

Số: 2833 /QĐ-UBND

Sơn La, ngày 13 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Ban hành Quy chế Quản lý tài chính
của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản; Thông tư số 08/2017/TT-BTC ngày 24/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản tại Quỹ bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 75/2006/QĐ-UBND ngày 25/11/2006 của UBND tỉnh Sơn La về việc thành lập Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 1389/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 628/TTr-STC ngày 18/11/2020. 

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Sơn La.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về sự phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành đối với các nội dung trình UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Sơn La.

2. Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo Quy chế. Trong quá trình thực hiện, Quỹ có trách nhiệm tổng kết hoạt động, nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ trình UBND tỉnh xem xét quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế được ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Sơn La, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Ban điều hành nghiệp vụ Quỹ, thủ trưởng các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- TT. HĐND tỉnh (b/c)
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- Chánh văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm thông tin;
- Lưu: VT, BiênKT.15bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Ngọc Hậu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH
QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỈNH SƠN LA**

*(Kèm theo Quyết định số 2888 /QĐ-UBND ngày 18/12/2020
của UBND tỉnh Sơn La)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế quản lý tài chính này áp dụng cho Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Sơn La (sau đây gọi tắt là Quỹ) được thành lập tại Quyết định số 75/2006/QĐ-UBND ngày 25/11/2006 của UBND tỉnh, tổ chức và hoạt động theo Quyết định số 1389/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 của UBND tỉnh Sơn La.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Sơn La.
2. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Mục đích xây dựng

Quy định cụ thể về quản lý tài chính của Quỹ nhằm bảo toàn vốn điều lệ và quản lý, sử dụng đúng mục đích có hiệu quả các nguồn vốn được giao, nâng cao quyền tự chủ về tài chính của Quỹ và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc sử dụng các nguồn thu từ hoạt động của Quỹ. Là căn cứ để cán bộ, công chức, người lao động thực hiện, là cơ sở để quản lý, thanh toán các khoản chi tiêu của Quỹ và là căn cứ để Hội đồng quản lý Quỹ (viết tắt là HĐQT), cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan tài chính và các cơ quan thanh tra, kiểm toán thực hiện theo dõi giám sát theo thẩm quyền.

Điều 4. Hình thức và nguyên tắc quản lý tài chính

1. Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Sơn La là tổ chức tài chính Nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, Quỹ vận dụng cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập có thu, tự đảm bảo chi thường xuyên. Quỹ hoạt động theo nguyên tắc không vì mục đích lợi nhuận, nhưng phải bảo toàn vốn điều lệ và tự bù đắp chi phí quản lý. Quỹ được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về thuế và pháp luật về ngân sách Nhà Nước.

2. Quỹ hoạt động công khai, minh bạch và bình đẳng theo quy định của pháp luật, *qm*

3. Quỹ chịu sự kiểm tra, thanh tra, kiểm toán về các hoạt động tài chính của Quỹ bởi cơ quan quản lý Nhà nước.

4. Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát Quỹ, Giám đốc Ban điều hành nghiệp vụ Quỹ chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, trước pháp luật về việc quản lý an toàn vốn và tài sản của Quỹ; sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả, và chấp hành các chế độ quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán.

Chương II **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 5. Vốn hoạt động

Vốn hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Sơn La gồm:

1. Vốn điều lệ sử dụng để cho vay với lãi suất ưu đãi

a) Vốn điều lệ của Quỹ là 10 tỷ đồng do ngân sách tỉnh cấp và được cấp trong thời gian 5 năm (2021 – 2025) và bổ sung hàng năm trên cơ sở căn cứ kết quả hoạt động của quỹ và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước.

b) Vốn điều lệ được bổ sung từ các nguồn sau.

- Ngân sách tỉnh cấp theo quy định của pháp luật.
- Quỹ bổ sung vốn điều lệ do trích lập chênh lệch thu chi của Quỹ;

2. Vốn hoạt động bổ sung hàng năm

2.1. Vốn hoạt động bổ sung hàng năm từ các nguồn:

a) Kinh phí ngân sách Nhà nước cấp từ nguồn chi sự nghiệp môi trường để thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao.

b) Ngân sách Nhà nước cấp từ phân trích lại của các khoản thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, khí thải, chất thải rắn, khai thác khoáng sản và các loại phí bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật.

c) Ngân sách Nhà nước cấp từ tiền thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; các khoản tiền bồi thường thiệt hại về môi trường và đa dạng sinh học nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật;

d) Các khoản đóng góp tự nguyện, tài trợ, hỗ trợ, ủy thác cho Quỹ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước dành cho lĩnh vực bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu;

đ) Nguồn vốn bổ sung khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Việc cấp bổ sung kinh phí từ ngân sách Nhà nước và việc tiếp nhận các nguồn vốn khác được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 6. Nguyên tắc sử dụng vốn

Việc sử dụng các nguồn vốn của Quỹ phải đảm bảo các nguyên tắc sau: 

1. Tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính và phát triển vốn;
2. Sử dụng vốn đúng mục đích, đúng đối tượng có hiệu quả về môi trường;
3. Thu hồi vốn gốc và lãi từ các khoản cho vay bằng nguồn vốn điều lệ; Sử dụng vốn hoạt động bổ sung hàng năm để hỗ trợ trong công tác bảo vệ môi trường, tài trợ và đồng tài trợ; sử dụng vốn nhàn rỗi của Quỹ để đầu tư tài chính ngắn hạn (gửi tại các ngân hàng thương mại có chất lượng hoạt động tốt theo phân loại của Ngân hàng nhà nước Việt Nam) để đảm bảo an toàn vốn và tạo nguồn thu cho Quỹ;
4. Đáp ứng yêu cầu thanh toán thường xuyên của Quỹ.

Điều 7. Cấp phát, quản lý vốn

1. Sở Tài chính cấp phát vốn điều lệ trên cơ sở dự toán đã được phê duyệt cho Quỹ Bảo vệ môi trường vào tài khoản của Quỹ mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh để tiếp nhận nguồn vốn.
2. Việc cấp vốn hoạt động bổ sung hàng năm thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và pháp luật hiện hành đối với từng nguồn kinh phí.
3. Quỹ bảo vệ môi trường chịu trách nhiệm tiếp nhận, quản lý, sử dụng vốn theo quy chế này và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Chương III NỘI DUNG SỬ DỤNG VỐN

Điều 8. Cho vay với lãi suất ưu đãi từ vốn điều lệ của Quỹ

1. Đối tượng được vay vốn với lãi suất ưu đãi là các tổ chức, cá nhân có các chương trình, dự án, phương án đầu tư thực hiện các hoạt động nhằm bảo vệ môi trường hoặc có mục tiêu cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường bằng các hình thức xử lý nước thải, khí thải và chất thải rắn; thay đổi dây chuyền công nghệ sản xuất nhằm giảm thiểu ô nhiễm; thu gom, xử lý chất thải, tái chế chất thải hoặc phế liệu; phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường; nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho cộng đồng; bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu và các dự án, hoạt động bảo vệ môi trường khác phù hợp với quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Quỹ Bảo vệ môi trường cho vay theo nguyên tắc có hoàn trả và có lãi. Các đối tượng vay vốn phải có khả năng tài chính để hoàn trả đầy đủ và đúng hạn vốn vay.

3. Điều kiện, thủ tục, hồ sơ vay vốn, bảo đảm tiền vay, mức lãi suất, việc giám sát quá trình vay vốn, trả nợ, gia hạn vay, chuyển nợ quá hạn thực hiện theo quy định. Hồ sơ thủ tục vay vốn do Quỹ ban hành sau khi xin ý kiến của Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Mức vốn cho vay và thẩm quyền cho vay

a) Mức vốn cho vay của một dự án không vượt quá 70% tổng mức đầu tư của dự án. Đối với cá nhân vay vốn đầu tư hạng mục bảo vệ môi trường không

có hồ sơ tổng mức đầu tư dự án của cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng có tài sản bảo đảm tiền vay thì được vay vốn, mức vốn cho vay tối đa không vượt quá 70% mức vốn đầu tư cho hạng mục;

b) Lãi suất cho vay do Hội đồng quản lý Quỹ quy định cụ thể trong từng thời kỳ hoặc theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh. Lãi suất cho vay tối đa không vượt quá 50% mức lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước do cơ quan có thẩm quyền công bố tại thời điểm cho vay;

c) Trường hợp đối tượng vay vốn vi phạm các điều khoản quy định tại Hợp đồng vay vốn, trả nợ không đúng hạn, đối tượng vay vốn phải chịu lãi suất nợ quá hạn. Lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn;

d) Trường hợp phát hiện các chủ đầu tư sử dụng vốn không đúng mục đích Quỹ có quyền rút vốn vay và có thể tiến hành khởi kiện theo quy định của pháp luật;

đ) Giám đốc Quỹ quyết định mức cho vay những dự án, hạng mục công trình bảo vệ môi trường từ 01 tỷ đồng trở xuống. Những dự án, hạng mục công trình bảo vệ môi trường vay vốn trên 01 tỷ đồng Giám đốc Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ ban hành Nghị quyết giao Giám đốc Quỹ thực hiện;

e) Thời hạn cho vay vốn được xác định phù hợp với khả năng nguồn vốn của Quỹ, điều kiện, đặc điểm sản xuất kinh doanh cụ thể của từng dự án vay vốn và khả năng trả nợ của chủ đầu tư, thời hạn cho vay tối đa không quá 05 năm. Trường hợp đặc biệt do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định nhưng không vượt quá 7(bảy) năm;

g) Trường hợp đặc biệt, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xin chủ trương của UBND tỉnh.

5. Bảo đảm tiền vay

a) Quỹ cho vay trên cơ sở có tài sản bảo đảm bằng các hình thức: bảo đảm trên cơ sở tài sản của bên vay hoặc bên thứ 3, thư bảo lãnh của các bên tổ chức tín dụng và các biện pháp đảm bảo tiền vay khác trên cơ sở bảo đảm an toàn vốn. Trình tự, thủ tục bảo đảm tiền vay, xử lý tài sản bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo đảm tiền vay;

b) Trường hợp đặc biệt, việc cho vay không có bảo đảm bằng tài sản đối với từng chương trình, dự án do Giám đốc Quỹ xem xét, quyết định sau khi có Nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ.

6. Giao giám đốc Quỹ ban hành hướng dẫn cho vay, tài trợ, đồng tài trợ.

Điều 9. Hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường từ vốn bổ sung hàng năm

1. Quỹ hỗ trợ qua các hình thức đầu tư công trình, trang thiết bị, tài sản, công cụ, dụng cụ, chuyển giao khoa học công nghệ cho các địa phương, tổ chức, cá nhân thực hiện công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Sơn La; xử lý khắc phục ô nhiễm môi trường, ứng phó, khắc phục hậu quả do sự cố môi trường, thiên tai gây ra; thực hiện các hoạt động phổ biến, *Qm*

tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và các chương trình, hoạt động phù hợp khác.

2. Các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ có đề nghị hỗ trợ hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền chấp thuận giao cho Quỹ hỗ trợ thì được xem xét hỗ trợ để phục vụ công tác bảo vệ môi trường từ Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Sơn La.

3. Việc hỗ trợ bảo vệ môi trường qua các hình thức trên được thực hiện theo quy định về đầu tư, mua sắm, chuyển giao cho bên thụ hưởng sử dụng.

Điều 10. Tài trợ và đồng tài trợ

1. Quỹ tài trợ kinh phí cho tổ chức, cá nhân có các chương trình, dự án, hoạt động bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu sau:

a) Phổ biến, tuyên truyền về quản lý, khai thác tài nguyên, giáo dục nâng cao nhận thức cho cộng đồng về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu;

b) Thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động xử lý khắc phục ô nhiễm môi trường, ứng phó, khắc phục hậu quả do sự cố, thảm họa môi trường gây ra;

c) Các chương trình, kế hoạch, dự án về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Tổ chức các giải thưởng môi trường, các hình thức khen thưởng nhằm tôn vinh các tổ chức, cá nhân điển hình tiên tiến về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

đ) Đầu tư công trình, trang thiết bị phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu thuộc khu vực công ích trên địa bàn.

2. Quỹ phối hợp với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đồng tài trợ cho các chương trình, dự án, hoạt động bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Điều kiện để các chương trình, dự án, hoạt động bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu được tài trợ và đồng tài trợ:

a) Chương trình, dự án, hoạt động bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Đối với dự án đầu tư bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, chủ dự án phải có phần vốn đối ứng ít nhất bằng 50% tổng kinh phí đầu tư để thực hiện dự án đó.

4. Quỹ được sử dụng vốn hoạt động bổ sung hàng năm để tài trợ và đồng tài trợ. Trình tự, thủ tục, hồ sơ tài trợ và đồng tài trợ, giám sát quá trình tài trợ và đồng tài trợ thực hiện theo quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Quỹ.

5. Mức tài trợ và thẩm quyền quyết định mức tài trợ

a) Mức tài trợ để thực hiện các chương trình, dự án, hoạt động bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu phải phù hợp với khả năng nguồn vốn của Quỹ cho phép;

b) Giám đốc Quỹ đề nghị mức tài trợ đối với từng dự án trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

Điều 11. Trích lập Quỹ dự phòng rủi ro

1. Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Sơn La được trích lập Quỹ dự phòng rủi ro tính vào chi phí hàng năm để bù đắp tổn thất do nguyên nhân khách quan phát sinh trong quá trình cho vay vốn các dự án bảo vệ môi trường.

2. Mức trích lập quỹ dự phòng rủi ro hàng năm tối thiểu bằng 0,2% số dư nợ cho vay cuối năm của Quỹ. Việc trích lập thực hiện mỗi năm một lần trước khi kết thúc năm tài chính.

3. Quỹ dự phòng rủi ro được sử dụng để bù đắp các khoản rủi ro của các dự án phát sinh do nguyên nhân bất khả kháng như: tổn thất do thiên tai, hỏa hoạn; sau khi sử dụng tiền bồi thường của cơ quan bảo hiểm (nếu có) để giảm trừ tổn thất.

4. Cuối năm, nếu không sử dụng hết quỹ dự phòng rủi ro, số dư của quỹ được chuyển sang quỹ dự phòng rủi ro năm sau. Trường hợp số dư quỹ dự phòng rủi ro không đủ bù đắp tổn thất phát sinh trong năm, Giám đốc Quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

5. Thẩm quyền xử lý rủi ro

a) Hội đồng quản lý Quỹ quyết định gia hạn nợ, miễn giảm lãi tiền vay và khoan nợ trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ. Thời gian gia hạn nợ tối đa bằng 1/3 thời hạn vay vốn ghi trong hợp đồng tín dụng;

b) Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định xoá nợ theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

Chương IV

CÁC KHOẢN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Nguồn thu của Quỹ

Ngoài các nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước cấp hàng năm theo quy định, Quỹ được sử dụng các nguồn thu sau để chi cho các hoạt động của quỹ:

1. Thu từ hoạt động nghiệp vụ

a) Thu lãi cho vay của các dự án vay vốn của Quỹ Bảo vệ môi trường;

b) Tiền lãi từ tiền gửi ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;

c) Thu phí dịch vụ nhận ủy thác cho vay, tài trợ của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng ủy thác; *QMT*

- d) Thu hoạt động nghiệp vụ khác.
- 2. Thu từ hoạt động tài chính
 - a) Tiền lãi từ tiền gửi vốn nhàn rỗi;
 - b) Các khoản thu khác từ hoạt động tài chính.
- 3. Các khoản thu khác
 - a) Thu nhượng bán, thanh lý tài sản cố định của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
 - b) Thu bảo hiểm đền bù tổn thất tài sản;
 - c) Thu nợ đã xóa nay thu hồi được;
 - d) Các khoản thu phạt do các đối tượng sử dụng vốn của Quỹ vi phạm hợp đồng;
 - đ) Các khoản thu nhập khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Chi hoạt động của Quỹ

Chi phí của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Sơn La, là các khoản thực chi cần thiết cho hoạt động của Quỹ, có hóa đơn, chứng từ hợp pháp. Mức chi, đối tượng chi, nội dung chi thực hiện theo quy định của pháp luật. Các khoản chi phí phải nằm trong kế hoạch tài chính năm đã được Hội đồng quản lý Quỹ thông qua, bao gồm:

- 1. Chi cho bộ máy quản lý Quỹ
 - a) Chi lương, phụ cấp lương, tiền công lao động hợp đồng theo chế độ của Nhà nước đối với đơn vị sự nghiệp công lập;
 - b) Chi các khoản đóng góp: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn, đóng góp khác theo quy định của pháp luật;
 - c) Chi các khoản thanh toán cho cá nhân: Ăn giữa ca theo quy định; chi khám sức khỏe định kỳ, mức chi theo giá dịch vụ thực tế; chi chênh lệch thu nhập thực tế so với lương ngạch bậc, chức vụ; chi tiền phép; chi hỗ trợ, trợ cấp phụ cấp khác theo quy định.
 - d) Chi trang phục giao dịch, chi phương tiện bảo hộ lao động;
 - đ) Chi thanh toán các dịch vụ công cộng, dịch vụ thanh toán;
 - e) Chi mua sắm công cụ, dụng cụ, vật tư văn phòng;
 - g) Chi thông tin tuyên truyền, quảng cáo, hợp báo, cước phí Internet, khoán điện thoại, chi khác;
 - h) Chi hội nghị, hội thảo;
 - i) Chi công tác phí;
 - k) Chi thuê mướn (phương tiện vận chuyển, thiết bị, dịch vụ phục vụ công tác chuyên môn, thuê mướn khác);
 - l) Chi đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ;

- m) Mua sắm, sửa chữa tài sản và các công trình hạ tầng;
- n) Chi trích khấu hao tài sản cố định;
- o) Chi hỗ trợ cho các hoạt động của Đảng và đoàn thể của Quỹ;
- p) Các khoản chi khác theo quy định.

2. Chi phụ cấp kiêm nhiệm cho Hội đồng Quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ và các chức vụ kiêm nhiệm khác (nếu có).

Chi phụ cấp kiêm nhiệm hàng tháng cho các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát Quỹ và các chức vụ kiêm nhiệm khác (nếu có) bằng 10% mức lương hiện hưởng và phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có).

3. Chi hoạt động nghiệp vụ

- a) Chi trả lãi tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường theo quy định;
 - b) Chi phí huy động các khoản đóng góp tự nguyện, tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân cho công tác bảo vệ môi trường;
 - c) Chi phí dịch vụ thanh toán;
 - d) Chi phí theo hợp đồng uỷ thác hoặc hợp tác;
 - đ) Chi trích lập quỹ dự phòng rủi ro tối thiểu bằng 0,2% số dư nợ cho vay cuối năm của Quỹ;
 - e) Chi cho các hoạt động về thẩm định đầu tư, cho vay, tài trợ, thanh tra, kiểm tra, thu hồi nợ đối với các dự án đầu tư, hạng mục công trình, chương trình có sử dụng vốn của Quỹ;
 - g) Chi dịch vụ Kiểm toán độc lập;
 - h) Chi phục vụ cho công tác thanh tra, kiểm tra theo quy định của cấp có thẩm quyền;
 - l) Chi phí cho việc xử lý phát mại tài sản thế chấp vay vốn và chi phí thu hồi các khoản nợ đã xóa;
 - m) Chi phí để thu các khoản phạt theo quy định;
 - n) Các chi phí nghiệp vụ khác phù hợp theo quy định của pháp luật.
4. Chi nhiệm vụ không thường xuyên: Quỹ chi theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước và pháp luật hiện hành đối với từng nguồn kinh phí.

Điều 14. Phân phối thu nhập và sử dụng các quỹ

1. Phân phối kết quả tài chính trong năm

Hàng năm, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản chi phí, nộp thuế (nếu có) và các khoản nộp ngân sách Nhà nước khác theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi hoạt động thường xuyên (không bao gồm vốn), được sử dụng theo trình tự như sau: *am*

1.1. Trích chênh lệch để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo lộ trình do cơ quan có thẩm quyền quy định.

1.2. Số còn lại phân bổ như sau:

- a) Trích tối thiểu 25% để lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp;
- b) Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập tối đa không quá 3 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp lương do Nhà nước quy định;
- c) Trích lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi tối đa không quá 3 tháng tiền lương, tiền công thực hiện trong năm của Quỹ;
- d) Trích lập các quỹ khác theo quy định của pháp luật;
- đ) Phần chênh lệch thu lớn hơn chi còn lại (nếu có) sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp;
- e) Mức trích phân bổ được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ.

2. Mục đích sử dụng các quỹ

a) Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp:

- Trích 70% để sử dụng đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm tài sản, trang thiết bị, phương tiện làm việc; chi áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ; đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động của Quỹ; góp vốn liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để tổ chức hoạt động dịch vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao và các khoản chi khác (nếu có);

- Trích 30% để tạo Quỹ bổ sung vốn điều lệ, định kỳ sau khi có kết quả xét duyệt báo cáo tài chính hàng năm, Quỹ báo cáo số trích lập Quỹ bổ sung vốn điều lệ và trình UBND tỉnh Quyết định ghi tăng vốn điều lệ cho Quỹ.

b) Quỹ bổ sung thu nhập: Để chi bổ sung thu nhập cho người lao động trong năm.

Việc chi bổ sung thu nhập cho người lao động của Quỹ được thực hiện theo nguyên tắc gắn với số lượng, chất lượng và hiệu quả công tác. Hệ số thu nhập tăng thêm của chức danh lãnh đạo tối đa không quá 3 lần hệ số thu nhập tăng thêm bình quân thực hiện của người lao động của Quỹ.

c) Quỹ khen thưởng: Để thưởng định kỳ, đột xuất cho tập thể, cá nhân trong và ngoài Quỹ, theo hiệu quả công việc và thành tích đóng góp vào hoạt động của Quỹ. Mức thưởng theo quy định của Luật thi đua khen thưởng và quyết định của cấp có thẩm quyền, được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ;

d) Quỹ phúc lợi: Để xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi; chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể của người lao động của Quỹ như thăm hỏi, nghỉ mát...; trợ cấp khó khăn đột xuất cho người lao động, kể cả trường hợp nghỉ hưu, nghỉ mất sức. Giám đốc Ban điều hành nghiệp vụ Quỹ phối hợp với Ban chấp hành công đoàn Quỹ để quản lý, sử dụng quỹ này; 

đ) Các Quỹ khác: Sử dụng theo mục đích trích lập quỹ và được quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ.

Điều 15. Quản lý thu, chi tài chính của Quỹ

1. Quỹ có các quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi phí thường xuyên theo quy định của Chính phủ và của Bộ Tài chính. Việc quản lý nguồn thu, chi hoạt động của Quỹ, phân phối thu nhập và sử dụng quỹ được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác và các quy định hiện hành khác.

2. Giám đốc Quỹ có trách nhiệm xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế sử dụng tài sản, quy chế dân chủ ở cơ sở, quy chế công khai tài chính, kiểm toán theo quy định.

3. Các khoản thu, chi của Quỹ được hạch toán trên cơ sở các chứng từ hợp lý, hợp lệ.

4. Quỹ có trách nhiệm thu đúng, thu đủ và kịp thời các khoản thu phát sinh trong quá trình hoạt động để quản lý, sử dụng theo quy định.

Chương V CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, BÁO CÁO

Điều 16. Chế độ kế toán

1. Quỹ được áp dụng chế độ kế toán hành chính sự nghiệp theo quy định pháp luật về kế toán và hướng dẫn của Sở Tài chính tỉnh Sơn La; phải mở sổ kế toán ghi chép, theo dõi, hạch toán kế toán các khoản thu, chi; bảo đảm mọi khoản thu, chi có chứng từ hợp pháp, hợp lệ; cuối năm lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 17. Chế độ báo cáo

1. Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán ngân sách của Quỹ được lập theo quy định của pháp luật, Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số liệu báo cáo.

2. Quỹ thực hiện công bố, công khai kết quả hoạt động, tài sản, vốn, công nợ của Quỹ hàng năm theo quy định của Nhà nước.

3. Định kỳ (hàng quý, năm) Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Sơn La lập và gửi báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán ngân sách cho Sở Tài chính.

a) Báo cáo quý được gửi chậm nhất vào ngày 25 của tháng đầu quý sau.

b) Báo cáo quyết toán năm được gửi chậm nhất vào ngày 31 tháng 3 năm sau.

4. Quỹ chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật. 

Điều 18. Lập kế hoạch tài chính

Hàng năm, Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Sơn La có trách nhiệm lập và báo cáo Sở Tài chính các kế hoạch sau:

1. Kế hoạch dự toán kinh phí hoạt động bộ máy;
2. Kế hoạch vốn hàng năm bao gồm: Vốn Điều lệ; vốn hoạt động bổ sung hàng năm; Kế hoạch tiếp nhận, quản lý và hoàn trả tiền ký quỹ.
3. Kế hoạch sử dụng vốn bao gồm: Kế hoạch cho vay với lãi suất ưu đãi; kế hoạch hỗ trợ tài chính; kế hoạch hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường; kế hoạch tài trợ.
4. Kế hoạch thu, chi tài chính và phân bổ kết quả hoạt động

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Trách nhiệm của Quỹ

1. Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo Quy chế này.
2. Trong quá trình thực hiện, Quỹ có trách nhiệm tổng kết hoạt động, nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ trình UBND tỉnh xem xét quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế này. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Ngọc Hậu

